

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 206/2023/DS-PT

Ngày 10-5-2023

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Liên

Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Trần Thanh Vũ
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09 và 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về *“Tranh chấp đòi lại tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265/2022/QĐ - PT ngày 17 tháng 10 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 245/TB-TA ngày 21/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Xuân T**, sinh năm 1969

Trú tại: Số 00, đường số 0, khu H, Phường 0, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ánh Dương, sinh năm 1952; Trú tại: 11, Nguyễn Cư Trinh, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (theo giấy ủy quyền ngày 08/12/2020) (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị Thanh T2**, sinh năm 1992.

Trú tại: Số 00, ấp T, xã T, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Lâm Sơn, sinh năm 1961.

Trú tại: Số 29B, đường số 3, khu Dân cư Hồng Phát, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (theo giấy ủy quyền ngày 10/6/2021) (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Thanh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày và yêu cầu tại Đơn khởi kiện ngày 08/12/2020 và lời trình bày của người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Ánh Dương trong quá trình tố tụng:

Vào ngày 20/8/2015 nguyên đơn ông Lê Xuân T có ký ủy nhiệm chi chuyển cho chị Lê Thị Thanh T2 số tiền 550.000.000 đồng để dự phòng thanh toán mua đất, trong trường hợp cần chi tiền để thanh toán việc mua đất thì phải có ý kiến của ông T, Chị T2 mới được phép chi. Chị T2 lấy số tiền này sử dụng vào việc cá nhân, ông T đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng Chị T2 không đồng ý.

Tại Bản án số 132 ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã tách số tiền 550.000.000 đồng mà ông T chuyển cho Chị T2 vào ngày 20/8/2015 thành vụ án khác. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Chị T2 hoàn trả số tiền 550.000.000 đồng.

- Bị đơn chị Lê Thị Thanh T2 có người đại diện hợp pháp là ông Trần Lâm Sơn trình bày:

Chị T2 thừa nhận có nhận số tiền 550.000.000 đồng từ ông T nhưng không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với lý do như sau: Chị T2 không mượn tiền của ông T mà ông T chuyển cho Chị T2 để dự định làm đám cưới. Sau khi mua đất, Chị T2 xây nhà và có trao đổi với ông T và ông đồng ý nên Chị T2 đã sử dụng tiền này vào việc xây nhà. Quá trình xây nhà thì phát sinh mâu thuẫn do ông T cho rằng, Chị T2 sử dụng tiền không đúng mục đích, tình cảm không còn nên ông T khởi kiện đòi nhà đất. Tòa án nhân dân Tỉnh Hậu Giang đã giải quyết là chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T buộc Chị T2 trả lại cho ông T 212.439.364 đồng, Chị T2 đã nộp xong tại cơ quan Thi hành án nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ đưa ra xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân T đối với bị đơn chị Lê Thị Thanh T2.

Buộc chị Lê Thị Thanh T2 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Xuân T số tiền là 550.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 20/8/2015 (năm trăm năm mươi triệu đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn chậm thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 07/7/2022 bị đơn bà Lê Thị Thanh T2 có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với các lý do sau:

Ông T đã khởi kiện bà T2 tại Tòa án 02 cấp tỉnh Hậu Giang cho rằng, ông đã bỏ ra hơn 700 triệu đồng để mua đất và nhờ bà T2 đứng tên nhưng yêu cầu này không có căn cứ để Tòa án chấp nhận.

Số tiền mà ông T chuyển cho bà T2 không phải là hợp đồng vay nợ, gửi giữ mà thực chất đây là số tiền ông T chuyển cho bà để xây nhà, có chỗ ở khi hai người kết hôn, ông T đồng ý việc bà sử dụng để xây nhà, không có việc dùng để thanh toán tiền chuyển nhượng đất như ông T trình bày. Thực tế khi các cấp Tòa án tỉnh Hậu Giang giải quyết trên đất của bà T2 có xây 01 căn nhà đang xây dở dang. Ông T bà và Thảo đều thừa nhận đã bỏ ra trên 530 triệu đồng để xây dựng nhưng do bị bỏ hoang lâu ngày, xuống cấp nên khi thẩm định, giá trị sử dụng chỉ còn hơn 317 triệu đồng và cả hai đồng ý, nếu ai nhận nhà thì sẽ thanh toán giá trị cho bên còn lại tính theo tỷ lệ giảm theo số tiền đã góp. Theo đó, ông T đã góp xây nhà hơn 356 triệu đồng, giảm còn hơn 212 triệu đồng và bà T2 góp hơn 176 triệu đồng, giảm còn hơn 104 triệu đồng. Bà T2 nhận nhà và đã thanh toán cho ông T đủ số tiền hơn 212 triệu đồng tại Cơ quan thi hành án như bản án đã tuyên. Do đó, nếu buộc bà T2 phải trả cho ông T số tiền 550 triệu đồng như án sơ thẩm đã tuyên xử thì không khác gì một tài sản nhưng lại buộc phải thực hiện 02 lần nghĩa vụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình, còn nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký Tòa án và các đương sự tham gia phiên tòa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về kháng cáo: Bị đơn kháng cáo và đóng tiền tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung nhận thấy: Giữa ông T và bà T2 có mối quan hệ tình cảm với nhau và có ý định tiến tới hôn nhân. Các đương sự có lời khai không thống nhất về mục đích sử dụng số tiền 550 triệu đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận có nhận số tiền 550 triệu đồng theo Ủy nhiệm chi lập ngày 20/8/2015 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cần Thơ – Phòng Giao dịch Xuân Khánh nhưng cũng không có văn bản thỏa thuận nào đính kèm Ủy nhiệm chi nêu trên. Nhưng quá trình xét xử tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, tại Biên bản của phiên tòa ngày 28- 29/12/2017 thì ông T có trình bày:

“Do trong quá trình xây dựng nhà tôi có chuyển khoản 550.000.000 đồng cho cô Thảo trả tiền mua vật liệu xây dựng nhà thì tôi phát hiện Thảo chi tiêu không minh bạch...” (Bút lục 474 – 467). Như vậy, đây chính là lời thừa nhận cho việc chuyển số tiền 550.000.000 đồng sử dụng vào mục đích xây dựng nhà để khi ông T, bà T2 cưới nhau về sinh sống.

Do xuất phát từ mối quan hệ tình cảm khi chuyển tiền nhận tiền không thể hiện nội dung trong Ủy nhiệm chi, tuy nhiên ông T đã có lời khai thừa nhận việc chuyển tiền để sử dụng vào mục đích xây nhà như phân tích ở phần trên. Do vậy, việc khởi kiện yêu cầu bà T2 trả lại tiền nhưng đã giải quyết bằng một vụ án của Tòa án tỉnh Hậu Giang. Nếu tiếp tục buộc bà T2 trả nữa là bất lợi cho bà T2. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn ông T, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà T2.

Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền (do khách quan, phát sinh tình tiết mới).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án dân sự về “*tranh chấp đòi lại tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú ở huyện Phong Điền nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý giải quyết là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung giải quyết:

Ngày 20/8/2015, ông T chuyển cho bà T2 số tiền 550 triệu đồng theo Ủy nhiệm chi lập tại Ngân hàng TMCP Á Châu, Chi nhánh Cần Thơ – Phòng Giao dịch Xuân Khánh. Ông T cho rằng, mục đích chuyển tiền cho bà T2 là để dự phòng thanh toán tiền chuyển nhượng đất. Tuy nhiên, bà T2 sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân nên ông T không đồng ý, từ đó phát sinh tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T2 phải trả lại.

Còn phía bị đơn thì cho rằng, số tiền 550 triệu đồng mà ông T chuyển khoản bằng Ủy nhiệm chi không phải là quan hệ vay, mượn hay gửi, giữ. Trước đây, hai người có quen biết, tình cảm với nhau và dự định tiến đến hôn nhân nên cả hai cùng thống nhất, ông T chuyển tiền để bà T2 đầu tư xây dựng căn nhà trên đất do bà T2 nhận chuyển nhượng (đất ở địa bàn huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang) để hai người cùng chung sống sau này. Khi xảy ra mâu thuẫn và dẫn đến phát sinh tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng đất và quyền sở hữu tài sản đã được Tòa án 02 cấp tỉnh Hậu Giang giải quyết, theo đó: trên đất của bà (Thảo) nhận chuyển nhượng có

căn nhà xây dở dang, hai bên cùng thống nhất về chi phí đầu tư số tiền là 532.771.000 đồng (phần bà T2 góp 176.040.700 đồng; ông T 356.630.400 đồng). Do để lâu không sử dụng nên nhà bị xuống cấp và khi Tòa án giải quyết tranh chấp xác định giá trị sử dụng của căn nhà giảm còn 317.363.729 đồng. Tòa án đã quyết định cho bà được nhận căn nhà sử dụng và có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị cho ông T số tiền theo phần mà ông đã góp 356.630.400 đồng, giảm còn 212.439.364 đồng. Đồng thời, nghĩa vụ này bà đã thực hiện xong nên nay không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét thấy, khi Tòa án nhân dân 02 cấp tỉnh Hậu Giang giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng đất và quyền sở hữu tài sản giữa ông T với bà T2, tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm ở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang từ ngày 28 và 29/12/2017 (được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ trích lục, tại trang 12), khi đại diện Viện kiểm sát hỏi ông T về nguyên nhân vì sao xảy ra tranh chấp, ông T trả lời:

“... Do trong quá trình xây nhà, tôi có chuyển khoản về 550.000.000 đồng cho cô Thảo để trả tiền mua vật liệu xây dựng nhà thì tôi phát hiện Thảo chi tiêu không minh bạch nên tôi và Thảo phát sinh cãi vã và xảy ra tranh chấp...”

Do Ủy nhiệm chi không thể hiện nội dung về mục đích ông T chuyển tiền cho bà T2 để làm gì nhưng qua lời khai nêu trên của ông T, có căn cứ xác định, mục đích ông T chuyển tiền là để cho bà T2 đầu tư xây nhà khi hai người dự định chung sống, không phải để thanh toán tiền chuyển nhượng đất như phía nguyên đơn trình bày.

[4] Theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về các hóa đơn, chứng từ mua vật liệu xây nhà thể hiện do bà T2, ông T cùng có đứng tên mỗi người một phần nhưng phần nhiều là do ông T đại diện giao dịch, thuê nhân công làm nhà. Tuy nhiên, vì ông T đã có lời khai thừa nhận về số tiền 550.000.000 đồng mà ông chuyển là để cho bà T2 thanh toán tiền mua vật liệu, chi phí xây nhà như nêu trên nên sẽ không còn ở thời điểm mà ông T tranh chấp đòi lại. Mặt khác, thời gian ông T lập Ủy nhiệm chi chuyển tiền cho bà T2 là ngày 20/8/2015, trong khi các hóa đơn, chứng từ giao dịch thanh toán chi phí xây nhà (do bà T2, ông T đại diện giao dịch) đều được xác lập sau thời điểm chuyển tiền, tức là sau ngày 20/8/2015). Điều này, cũng phù hợp với lời khai của ông T như nêu trên (tức là số tiền mà ông T chuyển cho bà T2 là để thanh toán chi phí xây nhà).

Mặt khác, ngoài lần chuyển số tiền 550.000.000 đồng vào ngày 20/8/2015 bằng Ủy nhiệm chi thì cũng không có chứng cứ nào thể hiện, ông T còn chuyển cho bà T2 khoản tiền khác để xây nhà. Từ đó, có cơ sở xác định, số tiền mà ông T chuyển cho bà T2 đã được sử dụng vào việc thanh toán chi phí xây nhà. Quá trình làm nhà, có lúc bà T2 hoặc ông T đại diện giao dịch mua vật liệu, thuê nhân công. Bà T2 đã thực hiện

xong nghĩa vụ hoàn trả tiền xây nhà cho ông T theo thỏa thuận khi Tòa án 02 cấp tỉnh Hậu Giang giải quyết vụ án dân sự về “tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản” giữa ông T với bà T2 như nêu trên.

[5] Bản án dân sự phúc thẩm số 132/2020/DS-PT ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang không xem xét đánh giá về mối liên quan giữa số tiền ông T chuyển khoản cho bà T2 với việc xây nhà thì điều này cũng không đồng nghĩa là bà T2 phải có trách nhiệm trả lại tiền cho ông T như phía nguyên đơn trình bày.

[6] Từ những phân tích như nêu trên, việc bị đơn kháng cáo không đồng ý trả số tiền như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp, có cơ sở chấp nhận như quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phúc thẩm tại phiên tòa. Tuy nhiên, việc sửa án sơ thẩm chủ yếu là do có tình tiết mới (cấp phúc thẩm thu thập thêm tài liệu, chứng cứ) nên có nguyên nhân khách quan.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo và có cơ sở chấp nhận nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Điều 164, 165, 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân T đối với bị đơn bà Lê Thị Thanh T2 về việc buộc bà T2 có trách nhiệm trả số tiền 550.000.000đ theo Ủy nhiệm chi lập ngày 20/8/2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Xuân T phải chịu số tiền 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 13.000.000 đồng mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 071854 ngày 08/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện phong Điền, thành phố Cần Thơ, ông T còn phải có trách nhiệm nộp khoản chênh lệch thiếu là 13.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Bà Lê Thị Thanh T2 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007399 ngày 07/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày được tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Chi Cục THADS H. Phong Điền;
- TAND H. Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Bảo Anh

